

CUỘC KHỞI NGHĨA VÕ TRÚ NĂM CANH TÝ (1900) Ở PHÚ YÊN

Đào Nhật Kim*

Tóm tắt

Cuộc khởi nghĩa Võ Trú bùng nổ năm 1900 ở Phú Yên đánh dấu phong trào yêu nước ở Việt Nam chuyển sang khuynh hướng mang màu sắc tôn giáo, đồng thời cuộc khởi nghĩa này là gạch nối của sự chuyển tiếp từ đấu tranh vũ trang cuối thế kỷ XIX sang cuộc đấu tranh dưới hình thức cải cách, duy tân theo hệ ý thức tư sản vào đầu thế kỷ XX ở Phú Yên nói riêng cũng như cả nước nói chung. Bài viết cung cấp nguồn tư liệu mới về cuộc khởi nghĩa Võ Trú, góp phần đính chính những sai sót mà các tài liệu trước đây đã đề cập về thời gian bùng nổ, địa điểm, thành phần tham gia... trong cuộc khởi nghĩa này.

Từ khóa: khởi nghĩa Võ Trú, năm Canh Tý (1900)

Năm Canh Tý (1900), dưới sự lãnh đạo của Võ Trú nhân dân Phú Yên nổi dậy khởi nghĩa chống ách thống trị của thực dân Pháp, viết nên trang sử hào hùng chống ngoại xâm. Cuộc khởi nghĩa không chỉ lôi cuốn sự tham gia của các tầng lớp nhân dân trong phạm vi Phú Yên mà lan rộng ra các tỉnh lân cận, làm cho chính quyền thực dân phải chật vật tìm mọi cách để đối phó. Khởi nghĩa Võ Trú ở Phú Yên cùng với phong trào Kỳ Đồng, Mạc Vĩnh Phúc (Bắc kỳ), Vương Quốc Chính (bắc Trung kỳ), Hội kín (Nam kỳ) ... đánh dấu sự chuyển biến của phong trào yêu nước ở Việt Nam những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX sang một khuynh hướng mang màu sắc tôn giáo⁽¹⁾.

1. Nguyên nhân bùng nổ cuộc khởi nghĩa.

Sau khi phong trào Cần Vương Phú Yên dưới sự lãnh đạo của Nguyễn Bá Sự kết thúc (1892), thực dân Pháp tăng cường việc vơ vét, bóc lột làm cho đời

sống các tầng lớp nhân dân Phú Yên vô cùng cực khổ. Theo thỏa thuận giữa chính quyền Nam triều với thực dân Pháp, Phú Yên phải nộp tiền bồi thường chiến tranh, chịu mọi phí tổn cho đạo quân Nam Kỳ trong thời gian hành quân đàn áp phong trào Cần Vương tại tỉnh này (gọi là tiền phạt-ĐNK). Tổng số tiền phải nộp phạt là 60.520 đồng, được phân bổ cho mọi hạng dân ở các làng⁽²⁾. Cũng theo qui định này, cư dân Phú Yên được chia làm 5 hạng (đại phú, trung phú, tiểu phú, nghèo và hơi nghèo) để thu tiền phạt. Số tiền này sẽ chuyển dần cho chính quyền Pháp ở Nam kỳ.

Từ cuối năm 1887, chính quyền thực dân Pháp tại Phú Yên tiến hành chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1887-1918) với việc bắt tay vào xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cho chính quyền thuộc địa và tăng cường các biện pháp cai trị bóc lột, ban hành chính sách thuế mới ... gây nên làn sóng phản đối của các tầng lớp nhân dân.

Thời gian này, chính quyền thực

* TS, Trường Đại học Phú Yên

dân còn cho phép một số nhà tư bản Pháp như Montpezat tiến hành chiếm đất lập đồn điền, khai thác những nguồn lợi sẵn có mà thiên nhiên đã ban tặng cho Phú Yên. Theo các nguồn tài liệu Pháp⁽³⁾, đồn điền Montpezat có tổng diện tích 4216 ha nằm dọc theo lưu vực sông Ba, sông Côn và vùng cao nguyên Vân Hòa, khu vực Ngân Điền, Thanh Hội, Đồng Me, Đồng Thanh, Lạc Đạo ... phân bố ở 4 tổng Sơn Xuân, Sơn Tường, Sơn Lạc, Sơn Bình (huyện Sơn Hòa). Hình thức kinh doanh ở đồn điền này là kết hợp chăn thả gia súc trâu bò với trồng các loại cây công nghiệp, cây lương thực như thuốc lá, ngô, đậu, mía, lúa, bông vải. Việc chiếm đất lập đồn điền đã ảnh hưởng lớn đến việc sản xuất của đồng bào dân tộc thiểu số vốn từ lâu đã canh tác trên những vùng đất dọc miền tây Phú Yên, gây ra sự bất mãn và chống đối của đồng bào miền núi.

Đến những năm cuối thế kỷ XIX, chính sách thuế do chính quyền thực dân Pháp triển khai thực hiện ở Việt Nam tăng so với trước nhằm bù đắp những chi phí khổng lồ do cuộc chiến tranh xâm chiếm nước ta kéo dài trên 30 năm. Tại Phú Yên, ngoài các loại thuế điền, thuế thân, thuế rượu, thuế muối, thuế chợ, thuế ghe thuyền, thuế thổ trạch..., người dân phải nộp thêm thuế nông-lâm-thổ sản như thuốc lá, cau, dừa, gỗ, mía, đường, bông vải, khai thác trầm, dầu rái,... với mức khá cao, ảnh hưởng đến đời sống của các tầng lớp nhân dân.

Báo cáo của công sứ Pháp năm 1900 đã thừa nhận một trong những

nguyên nhân đấu tranh của nhân dân Phú Yên là “do một số luật về thu thuế, thu hoạch mùa, về khai thác gỗ, khai thác thuốc lá do ta (chính quyền thực dân-ĐNK) đưa ra làm họ (nhân dân Phú Yên-ĐNK) phản nộ, phản đối”⁽⁴⁾. Đặc biệt, trong các năm 1898- 1899 Phú Yên trải qua kỳ hạn hán, lụt lội khiến cho mùa màng thất bát, đời sống nhân dân khôn khổ, kỳ thuế đến không có tiền nộp. Bọn quan lại, hào lý thẳng tay bóp nặn, đánh đập nhân dân. Chúng “khuân cả tù khí cho đến mâm thau, nồi đồng, giường thùng, rương xe... Những người dân nghèo không gia sản thì bị đóng gông giải về huyện”⁽⁵⁾. Đời sống của nhân dân Phú Yên tại các làng quê bấy giờ trông thật bi đát:

“Mậu Tuất, Kỷ Hợi- nhị niên⁽⁶⁾

Nhà không ai ở vườn điền bỏ hoang

Lên rừng thì sợ hổ lang

Về làng thì sợ vua quan Tây tà

Mười phần chết bảy còn ba

Số còn sống sót của nhà điêu linh”...

Từ những nguyên nhân nêu trên dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt giữa các tầng lớp nhân dân Phú Yên với chính quyền thực dân, tay sai, tạo điều kiện thuận lợi cho Võ Trứ tuyên truyền kêu gọi họ đứng lên đấu tranh bằng cuộc khởi nghĩa năm 1900 nhằm lật đổ “trật tự xã hội được thiết lập lâu nay và thay đổi chế độ quân chủ hiện hành bằng một chế độ xã hội mới tươi đẹp, mà đại biểu là Phật vương”⁽⁷⁾ do Võ Trứ lãnh đạo.

Kế tục truyền thống yêu nước bất khuất đã hun đúc trong lịch sử từ Tây Sơn quật khởi đến thời kỳ Cần Vương

kiên cường, nhân dân Phú Yên tiếp tục đứng dậy đấu tranh, viết nên trang sử hào hùng bằng cuộc khởi nghĩa bùng nổ đầu thế kỷ XX. Đây là nhân tố quan trọng làm nên cuộc khởi nghĩa Võ Trứ năm 1900 ở Phú Yên. Trong báo cáo gửi cấp trên, công sứ Céléron Blainville thừa nhận truyền thống đấu tranh bất khuất của nhân dân Phú Yên: “Dân Phú Yên tuy ít học, nhưng họ giữ được ý thức độc lập, tự do. Từ 2 năm nay ta xen vào công việc của họ một cách trực tiếp, họ nhìn chúng ta bằng con mắt căm thù. Hơn nữa họ còn ghi lại trong ký ức những cuộc chiến đấu của ông cha họ chống lại người Pháp của chúng ta khi đặt chân đến mảnh đất này. Nay có người gọi lại truyền thống ấy và khuyến dụ họ tức thì họ nghe theo. Chính vì thế mà Võ Trứ đã thành công trong việc tuyên truyền sách động dân chúng ở thôn quê được các nhà chức trách địa phương ủng hộ đã nổi dậy chống người Pháp đông đảo và nhanh chóng như vậy”⁽⁸⁾.

2. Xây dựng căn cứ chuẩn bị khởi nghĩa

Truyền thống đấu tranh bất khuất của nhân dân Phú Yên cộng với cuộc sống cực khổ do chính sách áp bức bóc lột của chính quyền thực dân Pháp gây ra là những yếu tố quan trọng để Võ Trứ chọn Phú Yên làm nơi xây dựng căn cứ, chuẩn bị lực lượng phát động cuộc khởi nghĩa.

Võ Trứ sinh năm 1849⁽⁹⁾ tại làng Nhơn Ân, tổng Kỳ Sơn, phủ Tuy Phước, tỉnh Bình Định (nay là thôn Nhơn Ân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định) trong một gia đình Nho giáo

giàu lòng yêu nước. Ông cùng người em trai là Võ Đính tham gia phong trào Cần Vương Bình Định do Mai Xuân Thưởng lãnh đạo. Khi Mai Xuân Thưởng bị kẻ thù giết hại, phong trào Cần Vương Bình Định tan rã, Võ Trứ đã lẩn tránh trước sự truy lùng của giặc Pháp. Theo mật trình của bố chánh và án sát Phú Yên dựa trên báo cáo của tri phủ Tuy Phước thì trước năm 1891 Võ Trứ làm lý trưởng thôn Quảng Vân (phủ Tuy Phước, tỉnh Bình Định), đến năm 1892 làm thủ chỉ của làng, sau đó rời khỏi địa phương vào năm 1894 đi học đạo thiền (đạo Phật) và bán thuốc tại các vùng dân tộc thiểu số ở nguồn Hà Thanh huyện Vân Canh (tỉnh Bình Định)⁽¹⁰⁾.

Như vậy, qua nguồn tài liệu trên cho chúng ta biết thời gian sau khi phong trào Cần Vương Bình Định thất bại, Võ Trứ đã giả danh hào lý tham gia chính quyền địa phương để che mắt thực dân Pháp, sau đó ông mới gia nhập Phật pháp trở thành môn đệ của sư thầy Đá Bạc tại chùa Linh Ân thuộc làng Chánh Danh (nằm giữa hai huyện Phú Cát và Phù Mỹ). Sư thầy chùa Đá Bạc là người tu hành đặc đạo, thường phát thuốc chữa bệnh cho nhân dân trong vùng bằng tờ giấy có in hình năm vị Bồ Tát Quan Âm, gọi là bùa Ngũ Công Quan Âm. Người xin thuốc lãnh bùa đem về thành tâm niệm Phật, rồi đốt ra tro hòa nước uống thì hết bệnh. Võ Trứ cùng với thầy chùa Đá Bạc đi khắp nơi trong vùng để chữa bệnh cho mọi người và thông qua phương thức này để tuyên truyền trong nhân dân tinh thần chống Pháp và tập

hợp lực lượng chuẩn bị nổi dậy khởi nghĩa.

Việc chữa bệnh tại chùa Đá Bạc đã lôi cuốn nhiều người ở Bình Định và các tỉnh lân cận đến ngày càng đông khiến cho chính quyền thực dân Pháp lo ngại và ra lệnh ngăn cấm, truy bắt thầy chùa Đá Bạc. Võ Trứ cũng bị liên lụy và bị bắt giam tại nhà lao Tuy Phước, nhưng sau đó trốn thoát. Đầu năm 1897, Võ Trứ gặp gỡ Trần Cao Vân- một chí sĩ yêu nước phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam bàn việc chống Pháp. Sau nhiều lần bàn bạc với Trần Cao Vân, Võ Trứ đã hình thành kế hoạch chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa, mà trước hết là “lợi dụng lòng tin của dân, gieo vào họ một đức tin mãnh liệt để kết nạp thành một đoàn thể rộng lớn, để thu thập tiền bạc rèn đúc khí giới, tích trữ lương thực. Tìm một địa thế rừng núi sâu hiểm để làm nơi dụng binh. Chinh phục dân Mọi, Mán ở vùng ấy phải trung thành với mình. Tùy cơ hội phát khởi một cuộc bạo động bất ngờ, làm cho quân bảo hộ không phòng ngừa kịp; thừa cơ hội cướp lấy súng đạn của họ tạo cho nghĩa quân một chủ lực khá dĩ, chừng ấy mới có cơ làm nên việc vĩ đại”⁽¹¹⁾. Võ Trứ chọn vùng rừng núi hai huyện Đồng Xuân và Sơn Hòa tỉnh Phú Yên làm địa bàn hoạt động và xây dựng căn cứ cho cuộc vận động chống Pháp. Đây là vùng có đông đảo đồng bào dân tộc Chăm, Bana, Ê-đê rất tin vào các phép thuật phù thủy, đồng thời nhiều cơ sở nghĩa quân Cần Vương Phú Yên trong đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn duy trì tinh thần kiên cường chống Pháp.

Năm 1898, Võ Trứ vào Phú Yên xây dựng cơ sở chuẩn bị cho khởi nghĩa. Ông “đến tận các làng Thượng ở miền tây Phú Yên, thi thố phù phép để thiết phục họ. Ông làm họ tâm phục, họ gọi ông là “Ông Dừa”(có lẽ từ tiếng Vua kêu trại ra), họ coi ông như thần thánh, họ sẵn sàng theo ông”⁽¹²⁾. Để tránh sự dò xét của chính quyền sở tại, Võ Trứ còn kết hợp việc cho thuốc phát bùa, trừ tà với trao đổi các vật dụng như dao, rựa cho đồng bào các sách vùng cao. Trong bản mật trình của án sát Phú Yên cho biết khi khám xét nơi trú ẩn của Võ Trứ đã tìm thấy “20 lưỡi dao bẫy, 4 lưỡi dao hạng bẫy”⁽¹³⁾. Võ Trứ còn liên lạc với các nhà sư ở khắp các phủ huyện, xã thôn từ đồng bằng đến miền núi, lập các cơ sở bí mật tại các chùa chiền ở khắp tỉnh Phú Yên và Bình Định làm nơi tập hợp nghĩa quân che mắt chính quyền thực dân. Công sứ Pháp ở Phú Yên trong một báo cáo mật cho biết hoạt động của Võ Trứ: “Võ Trứ đến Phú Yên trong vòng 2 năm, lúc đầu hấn dựa vào người Mọi ở Thồ Lô, làng Xí, làng Đồng, Phú Giang lập căn cứ ở núi La Hiên, sau mở rộng đến người Annam (người Kinh-ĐNK). Hấn còn nhiều đồng đảng đang hoạt động tại Bình Định, Khánh Hòa và các vùng núi khác, một số khu vực Lào cũng đứng về phía hấn với tinh thần tự nguyện, tất cả đều nguy trang dưới danh nghĩa truyền giáo. Hấn lôi kéo cả các vua Thủy Xá, Hỏa Xá cùng một số phân tử ở hữu ngạn sông Mê Kông”⁽¹⁴⁾.

Sau một thời gian vào Phú Yên, Võ Trứ được sự ủng hộ của đông đảo các

tầng lớp nhân dân tiến hành lập căn cứ chuẩn bị cuộc khởi nghĩa. Các căn cứ chủ yếu được xây dựng ở vùng rừng núi thuộc hai huyện Sơn Hòa và Đồng Xuân.

Ở huyện Sơn Hòa, Võ Trứ xây dựng căn cứ ở vùng Di Lang Phá nằm ở thượng nguồn phường Tổng Bình. Tại Di Lang Phá, Võ Trứ lập đến “3 trại xá, trong đó 1 trại có một bức đan tre làm bàn thờ, chung quanh có nhiều lò bếp bằng đá và xương bò, 2 chỗ dây thừng, ở một trại xá tả hữu và phía sau đều có sửa sang đường sá phòng thủ”⁽¹⁵⁾. Lối vào căn cứ là đường đá gập ghềnh hiểm yếu, nếu không có người dẫn đường thì khó tiếp cận các trại của nghĩa quân. Khi phong trào phát triển, Võ Trứ còn mở rộng căn cứ đến vùng Cà Lúi, Trà Kê, Bầu Bền. Tại Cà Lúi, Võ Trứ cho ám sát chánh tổng Tiền và con rể của hắn đang làm tay sai mật báo về hoạt động của nghĩa quân cho chính quyền thực dân⁽¹⁶⁾. Ở làng Giếng Nghi (thuộc xã Sơn Long), Võ Trứ cho lập một ngôi chùa làm nơi tập hợp nghĩa quân để che mắt chính quyền địa phương.

Căn cứ được Võ Trứ chọn làm trung tâm của cuộc khởi nghĩa nằm trong dãy núi La Hiên phía tây huyện Đồng Xuân. Tại đây có các buôn làng người Ba-na, Chăm như làng Đồng, làng Xí, làng Thoại, làng Phú Giang, làng Lel, làng Ruộng, làng Chà-là... đã từng tham gia phong trào Cần Vương và trở thành pháo đài chống Pháp kiên cường. Dưới chân ngọn núi Chơ-lo gần làng Đồng có hang đá rộng có thể chứa lương thực và tập hợp hàng trăm người được Võ Trứ

chọn làm sở chỉ huy và làm nơi cất giấu vũ khí, rút lui khi cần thiết.⁽¹⁷⁾ Tại đây lực lượng nghĩa quân dưới quyền chỉ huy trực tiếp của Võ Trứ khoảng 200 dân binh là người dân tộc thiểu số và trên 30 người Kinh. Các già làng được Võ Trứ giao nắm giữ một số chức vụ trong nghĩa quân như: Bok ChơWong, Bok Lang làm Tổng giám binh, Bok Chéo làm phó Tổng giám binh, Bok Gôh làm Tổng đốc binh, Bok Nguru, Bok Nhen, Ấy Khôn là các phó Tổng đốc binh⁽¹⁸⁾... Tại làng Bok-meo, cách làng Phú Giang một ngày đường, Võ Trứ xây dựng căn cứ với đội quân khoảng 200 người⁽¹⁹⁾.

Ngoài ra, Võ Trứ còn mở rộng hoạt động đến vùng Thồ Lồ giáp huyện Vân Canh tỉnh Bình Định với các làng Chăm Diên, làng Chơput, làng Ru, làng Matoc... Đây là vùng núi non hiểm trở, nhân dân có truyền thống yêu nước chống Pháp, bảo vệ nghĩa quân. Đồng bào làng Đồng ngày nay còn kể chuyện giữ bí mật bảo vệ Võ Trứ khỏi sự lùng sục của Pháp: Lúc bấy giờ muốn gặp Võ Trứ phải đến làng Đồng. Người làng Đồng sẽ đưa đến làng Chơ put -nơi Võ Trứ đang ở. Làng Chơ put có 18 hộ gia đình giữ nhiệm vụ bảo vệ và cung cấp lương thực cho Võ Trứ. Bok Hiên- một già làng giỏi võ được phân công lo việc cơm nước và là cận vệ cho Võ Trứ⁽²⁰⁾. Tại các căn cứ miền núi, Võ Trứ tiến hành “phân phối cho dân chúng những miếng giấy vuông có chữ viết kỳ quái (lá bùa Võ Trứ-ĐNK), phân phát bằng cấp và thông báo các đổi thay chính trị tương lai”⁽²¹⁾. Nhờ vậy, lôi kéo đồng bào ở

nhiều buôn làng gia nhập nghĩa binh.

Ở vùng đồng bằng, Võ Trứ lấy chùa chiền làm căn cứ tập hợp lực lượng. Chùa Từ Quang (còn gọi là chùa Đá Trắng), phủ Tuy An được chọn làm nơi hội họp bàn bạc kế hoạch khởi nghĩa và vận động nghĩa quân tham gia; phía sau chùa là dãy núi có nhiều hang đá sâu, kín được nghĩa quân dùng làm nơi cất giấu vũ khí chuẩn bị cho ngày khởi sự. Phủ Tuy Hòa, các chùa từ vùng tả ngạn, hữu ngạn sông Đà Rằng đến vùng Thạch Bàn có nhiệm vụ tập hợp nghĩa quân để phối hợp nổi dậy giành chính quyền tại phủ lý khi đội quân chủ lực của Võ Trứ đánh chiếm tỉnh lý Sông Cầu. Trong một báo cáo mật, công sứ Phú Yên đã phát hiện kế hoạch nổi dậy của nghĩa quân: “Tôi đã cho người do thám của tôi đi điều tra về cho biết phủ Tuy Hòa- nơi Võ Trứ đã tổ chức nhiều đoàn phiến loạn khoác áo thầy tu sẵn sàng chờ quân Võ Trứ tới được Sông Cầu thì họ đứng dậy hưởng ứng”⁽²²⁾.

Hoạt động của nghĩa quân Võ Trứ không chỉ bó hẹp trong phạm vi Phú Yên mà còn mở rộng đến các xã Canh Sơn, Canh Lãnh thuộc huyện miền núi Vân Canh (tỉnh Bình Định), tạo thành hệ thống căn cứ nối dài từ Phú Yên đến Bình Định. Điều này được Công sứ Blainville viết rõ trong báo cáo: “Bọn mọi Thồ Lồ (Phú Yên-ĐNK) đã từng bước phối hợp với bọn mọi Bình Định tạo thành một vùng căn cứ rộng lớn của bọn Trứ”⁽²³⁾. Trong một đoạn khác viên công sứ này nhấn mạnh: “Tôi đã nhiều lần khuyến cáo rằng bọn mọi Bình Định

cũng liên kết với bọn mọi Thồ Lồ và trở thành thuộc hạ của Võ Trứ”⁽²⁴⁾. Như vậy, ý định của Võ Trứ muốn thiết lập vùng rừng núi 2 tỉnh Phú Yên và Bình Định thành căn cứ địa chính cho cuộc khởi nghĩa. Từ đó xuất quân tiến xuống đồng bằng đánh chiếm lý sở Sông Cầu - trung tâm chính quyền thực dân Pháp tại Phú Yên.

Lực lượng tham gia nghĩa quân phần lớn là đồng bào dân tộc ít người. Họ tin tưởng Võ Trứ như vị Thánh sống có nhiều phép thuật. Các sư sãi ở Phú Yên đều gia nhập nghĩa quân cùng với thân hào, nhân sĩ và đông đảo nhất là tín đồ Phật giáo. Phần lớn các nhà sư ở Phú Yên có mặt trong nghĩa quân của Võ Trứ đều là người trong dư đảng Cần Vương phải ẩn náu để tránh sự khủng bố của kẻ thù, nay gặp Võ Trứ gọi lại việc chống Pháp nên họ hăng hái tham gia. Một số nhà sư như Lê Tợ, Hồ Châu, Trần Ký trở thành bộ phận chỉ huy của nghĩa quân. Một tướng lĩnh quan trọng của nghĩa quân Võ Trứ xuất thân từ cửa Phật là Nguyễn Khỏe. Ông vốn là tướng của Bá Sự trong phong trào Cần Vương Phú Yên. Khi phong trào thất bại, Nguyễn Khỏe ẩn vào chùa khoác áo nâu sòng chờ thời cơ cứu nước. Khi Võ Trứ tập hợp lực lượng chuẩn bị khởi nghĩa, ông đầu quân trở thành phụ tá đắc lực, được phong cấp bậc Đội trưởng (thường gọi là Đội Khỏe)⁽²⁵⁾.

Tham gia nghĩa quân còn có cả tín đồ Thiên Chúa giáo. Theo báo cáo mật của Công sứ Pháp tỉnh Phú Yên: có đến 5 con chiên bị bắt lúc trực tiếp chiến đấu

tại dốc Găng (đêm 15-5-1900), trong đó Huỳnh Cự là một “tham mưu đắc lực của Võ Trứ”⁽²⁶⁾. Theo ước tính của mật thám Pháp thì số lượng nghĩa quân và những người có cảm tình sẵn sàng tham gia khởi nghĩa ở Phú Yên lên đến 20.000 người. Ngay cả đội ngũ quan lại Nam triều như quan án Hồ Đắc Dự, tri huyện Sơn Hòa Trần Kỳ Phong (sau bị giáng chức), tri phủ Tuy Hòa Trần Trọng Lãm đến các chánh tổng, phó lý ở nhiều làng đều có hành động bao che, làm ngơ các hoạt động của nghĩa quân Võ Trứ. Do đó, một số cơ sở của nghĩa quân đặt ngay tại trung tâm phủ, huyện Đồng Xuân và Tuy Hòa như làng Bình Chánh, làng Long Phước mà chính quyền thực dân vẫn không hay biết. Báo cáo của công sứ Celeron de Blainville gửi Khâm sứ Trung kỳ có đoạn: “Từ tri phủ, tri huyện đến chánh phó tổng và hương lý đều liên quan đến cuộc nổi loạn của Võ Trứ, nếu không tích cực ủng hộ thì ít ra cũng giúp đỡ bằng tinh thần, hoặc đứng giữa dung túng phản nghịch”⁽²⁷⁾.

Về trang bị vũ khí của nghĩa quân Võ Trứ chủ yếu là giáo mác, lao làm bằng cây lồ ô, cây giang vạc nhọn rất sắc bén. Dân binh miền núi trang bị nỏ bắn tên thuốc độc, dao bẫy, lăng khiên; người Kinh thì sử dụng rựa cán dài (do đó thực dân Pháp gọi nghĩa quân là “giặc rựa”). Ngoài ra, khẩu đại bác nhỏ bằng đồng là vũ khí duy nhất trong đội pháo binh của Võ Trứ. Một thứ vũ khí quan trọng mà nghĩa quân mỗi người mang trong mình lúc xung trận là “lá bùa hộ mệnh”, với niềm tin vào sức mạnh vô biên của bùa

tiên là “gươm chém không đứt, đạn bắn không trúng, có trúng cũng không bị thương”.

Đánh giá về Võ Trứ và những hoạt động chuẩn bị khởi nghĩa, công sứ Blainville viết: “Võ Trứ không phải là một nhân vật tầm thường. Hắn có ảnh hưởng thật sự chẳng những đối với người mọi mà cả người Annam ở Phú Yên cũng kính phục hắn. Khi đặt niềm tin vào mục tiêu nào đó, hắn âm thầm tìm hiểu và tìm những cộng sự đáng tin cậy giữa những người cuồng tín. Khi sống với dân, hắn đã biết khơi dậy những vấn đề bất mãn của họ như thuế thổ trạch, thuế thân, thuế phụ thu ... cho đến bây giờ phần lớn họ đang chờ đợi một sự kiện diễn ra, tuy không cần tuyên bố rằng Võ Trứ ở đâu, mặc kệ, họ chỉ biết họ không bỏ hắn, hắn vẫn còn sự ngưỡng mộ âm thầm của họ”⁽²⁸⁾.

3. Diễn biến cuộc khởi nghĩa

Sau một thời gian chiêu tập lực lượng, xây dựng căn cứ, ngày Rằm tháng 7 năm Kỷ Hợi (1899) Võ Trứ triệu tập cuộc họp tại chùa Đá Trắng gồm các thân hào, nhân sĩ, nhà sư gần 30 người, có cả đại biểu người dân tộc ít người để bàn việc mở rộng tổ chức, chia nhau mua sắm khí giới và ban hành kế hoạch chuẩn bị khởi nghĩa khi thời cơ đến. Trong sách *Võ nhân Bình Định*, Quách Tấn miêu tả quang cảnh và nội dung của hội nghị này: “Bên ngoài thì làm chay, múa lục cúng ... bên trong thì nghĩa đảng mở hội nghị. Chỉ huy các cấp Thượng và Kinh đều có mặt. Ngoài Võ Trứ và Trần Cao Vân là hai vị lãnh đạo tối cao, còn có

Nguyễn Khỏe, Huỳnh Cự - một người Thiên Chúa giáo ngoan đạo, gia nhập đảng từ lúc sơ khai. Lại có các ông Lê Tợ, Trần Ký, Hồ Châu - ba Phật tử thuần thành, đã cúng hết tài sản cho nghĩa quân và nguyện xả thân vì nước, vì đạo. Toàn thể hội nghị đồng thanh tôn Võ Trứ làm Minh Trai chủ tể, Trần Cao Vân làm Quân sư, Nguyễn Khỏe làm Đại tướng, Cai Năm làm Phó tướng ... Còn các người khác thì tùy khả năng phân công. Hội nghị quyết định hưng binh trong vòng tháng Giêng năm Canh Tý (1900), đánh chiếm tỉnh lỵ Sông Cầu làm căn cứ, lấy súng đạn của trại lính khổ xanh để trang bị cho chủ lực chiến đấu, rồi dùng thương đạo ra tập kích Qui Nhơn”.

Trong lúc công tác chuẩn bị khởi nghĩa đang tiến hành khẩn trương thì một số cơ sở bị lộ. Chánh tổng Xuân Sơn Thượng là Nguyễn Trứ và Tri phủ Tuy An là Nguyễn Khải đã báo cáo các hoạt động của nghĩa quân cho Công sứ Sông Cầu. Thực dân Pháp bắt đầu cho người ráo riết theo dõi. Cuối năm 1899, khi nghe tin Võ Trứ thường lui tới vùng Phú Giang, Kỳ Lộ, Blainville phái thanh tra Triguet núp dưới danh nghĩa là người khai thác và thu thập tin tức xâm nhập khu vực này để điều tra. Pháp còn dự tính sẽ thiết lập một đồn binh tại vùng này để kiểm soát hoạt động của nghĩa quân mà chúng nghi ngờ.

Tình hình Phú Yên đến đầu tháng 5-1900 có nhiều chuyển biến quan trọng, cho phép Võ Trứ phát động cuộc khởi nghĩa không thể trì hoãn nữa. Trong dân gian lưu truyền câu sấm tiên đoán thời cơ

cho cuộc nổi dậy:

*Chừng nào Thánh xuống Hòn Vàng
Thì dân ta sẽ hoàn toàn tự do”*

Bên cạnh việc truy lùng, bóc lột Võ Trứ của thực dân Pháp gia tăng, thì lúc này sự căm phẫn của nhân dân đối với chính phủ bảo hộ lên cao hơn bao giờ hết vì nạn sưu cao thuế nặng, sự ức hiếp của cường hào, nạn đói đang hoành hành... Các nơi trong tỉnh đều sẵn sàng đứng dậy khởi nghĩa khi có hiệu lệnh phát ra từ Bộ chỉ huy nghĩa quân. Mặc dù trong kế hoạch cuộc khởi nghĩa sẽ có sự phối hợp với Thủy Xá, Hỏa Xá nhưng chưa liên lạc kịp. Tuy vậy, Võ Trứ vẫn quyết định phát động khởi nghĩa vì một số cơ sở bị lộ, để chậm giặc Pháp sẽ đàn áp. Hơn nữa phải nắm lấy cơ hội lúc nhân dân đang sục sôi căm thù giặc Pháp, họ sẵn sàng hưởng ứng.

Theo kế hoạch, trước hết quân khởi nghĩa sẽ đánh vào đồn lính tập, ở đây có một số chỉ huy đã bí mật liên lạc với nghĩa quân làm nội ứng, lấy vũ khí trang bị cho dân binh, sau đó chiếm tỉnh lỵ Sông Cầu. Đồng thời một toán nghĩa quân khoảng 12 người sẽ bí mật đi thuyền đến tòa Công sứ đột nhập giết quan đầu tỉnh và gia đình cùng với viên thanh tra rồi chiếm trại lính⁽²⁹⁾.

Đầu tháng 5-1900, Võ Trứ tập hợp lực lượng quân khởi nghĩa tại căn cứ trung tâm làng Đồng, đồng thời phái người xuống Tuy An, Tuy Hòa củng cố và sắp đặt lực lượng nội ứng chuẩn bị khởi sự. Thực dân Pháp nắm được tin này nên cho lính bóc lột khắp làng mạc từ vùng núi đến vùng quê, nhưng bị lý

hương và dân chúng che giấu, đánh lạc hướng, không tìm thấy dấu vết của nghĩa quân.

Từ ngày 8-5-1900, nghĩa quân Võ Trứ tiến hành một số hoạt động đánh phá khu vực Trà Kê, Cà Lúi và các vùng lân cận. Ngày 14-5-1900, sau lễ tế cờ tại làng Phú Giang nghĩa quân có khoảng 600 người kéo từ làng Đồng xuống Xuân Lãnh, La Hai theo đường đèo Cây Cưa ra Sông Cầu. Lực lượng đi đầu là dân binh người dân tộc được trang bị nỏ bắn tên thuốc độc cùng với nghĩa binh người Kinh trang bị giáo mác và phần lớn là rựa. Mỗi người đeo một lá bùa hộ mạng với niềm tin đạn sẽ không bắn trúng. Võ Trứ đi giữa, các vị sư tăng đi hai bên điều khiển gương cao lá cờ màu đỏ, thêu bốn chữ vàng “Minh Trai Chủ tế”. Đội Khỏe đi tiên phong, Cai Năm đi tập hậu, đội ngũ chỉnh tề, hùng khí ngất trời, hùng hổ kéo xuống Sông Cầu. Trên đường nghĩa quân đi qua, nhân dân các làng Lương Sơn, Sơn Xuân, Định Trung, Trung Lương, Phương Lưu, Khoan Hậu, Cao Phong, Long Phước đón mừng, tiếp tế lương thực và gia nhập nghĩa binh làm cho lực lượng tăng lên đến hơn 1000 người. Báo cáo của công sứ Phú Yên Blainville gửi Khâm sứ Trung kỳ có đoạn viết: “Võ Trứ đi qua làng nào cũng có yết bái, treo cờ để đón rước như đón rước một vị thượng quan đi kinh lý hay một giáo chủ đạo Hồi”⁽³⁰⁾. Võ Trứ còn bí mật cho người đột nhập vào làng Long Phước - sát nách Sông Cầu “cắm lá cờ ghi dòng chữ phản đối chính quyền bảo hộ”⁽³¹⁾.

Về phía thực dân Pháp, lực lượng trấn giữ tỉnh lỵ Sông Cầu lúc bấy giờ có khoảng 100 lính tập do tên thiếu úy Conchy chỉ huy. Do mật báo, Công sứ Blainville biết trước tình hình nên tất cả binh lính người Việt bị thu súng và hấn còn yêu cầu Công sứ Qui Nhơn chi viện một đại đội lính khố đỏ do hai tên Pháp là Founé và Stanger chỉ huy vào tăng cường ở Sông Cầu.

Khoảng 11 giờ đêm 15-5-1900 (nhằm ngày 17 tháng Tư năm Canh Tý), nghĩa quân Võ Trứ đến dốc Găng cách Sông Cầu 1,5 km thuộc làng Long Phước thì gặp quân Pháp do Công sứ Blainville cùng đội kỵ binh 50 người của Conchy chỉ huy và thông dịch Nguyễn Chính đi tuần⁽³²⁾. Lực lượng hai bên gặp nhau và trận giáp chiến diễn ra ác liệt tại dốc Găng⁽³³⁾. Tác giả Hành Sơn trong sách *Cụ Trần Cao Vân* mô tả trận chiến giữa nghĩa quân và quân Pháp: “Võ Trứ biết có quân bảo hộ đề phòng, liền hạ lệnh bắn! Tức thì hàng trăm cây cung đồng thời bắn ra một lượt, tên bay như mưa, hàng nghìn dân binh reo hò vang dậy để trợ oai. Lúc ấy bên lính tuần cũng bắn trả lại ráo riết. Tiếng người la, tiếng súng nổ inh ỏi một phương trời, tưởng không khác nào một trận đại chiến của thời cổ”⁽³⁴⁾.

Lợi dụng địa thế con dốc cao với những bụi cây găng mọc um tùm hai bên, quân Pháp ẩn nấp và nổ súng đánh trả dữ dội gây tổn thất cho nghĩa quân: Lãnh binh Năm trúng đạn vào đầu chết tại trận cùng với 3 dân binh là người dân tộc ít người; Đốc binh Chủ Sự bị thương rơi

vào tay địch⁽³⁵⁾. Nhận thấy tình hình chênh lệch về lực lượng và vũ khí giữa hai bên theo chiều hướng bất lợi cho nghĩa quân, Võ Trứ ra lệnh rút lui trong đêm tối. Quân Pháp không dám đuổi theo, phần vì đạn dược sắp cạn, phần vì đường núi quanh co hiểm trở, tối trời nên kéo về Sông Cầu canh gác cẩn thận.

Sau cuộc tấn công vào tỉnh lỵ Sông Cầu không đạt kết quả như mong muốn, Võ Trứ nhanh chóng tập hợp lực lượng tại căn cứ làng Đồng, củng cố bộ tham mưu để chuẩn bị đối phó sự đàn áp của quân Pháp, đồng thời đẩy mạnh hoạt động ở vùng thượng nguồn từ Thồ Lồ đến Bình Định để phân tán lực lượng địch.

4. Việc đàn áp của thực dân Pháp và kết quả cuộc khởi nghĩa

Tuy cuộc tấn công vào Sông Cầu của Võ Trứ bất thành, nhưng việc để lực lượng quân khởi nghĩa đánh vào tỉnh lỵ đã khiến cho cấp trên của Blainville gờ trách. Điều này khiến cho Blainville tức tối và quyết tâm: “Phải ngăn chặn, tiêu diệt đến cùng, phải cư xử với chúng (quân khởi nghĩa-ĐNK) bằng súng đạn”⁽³⁶⁾. Ngày 22-5-1900, sau khi được tăng viện quân phòng đến từ Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên (với gần 100 lính, 100 tuần sai), công sứ Blainville tổ chức các cuộc hành binh đàn áp nghĩa quân với mục đích “không cho Võ Trứ có điều kiện nghỉ ngơi, tập trung lực lượng và tổ chức các hoạt động đánh chiếm các mục tiêu mà hắn đã định...và dạy cho chúng một bài học”⁽³⁷⁾. Nhiều làng khu vực căn cứ bị địch đốt

phá, nhiều nghĩa quân bị bắt, bị tra tấn dã man. Lúc bấy giờ có khoảng 300 người bị bắt, các nhà giam ở Phú Yên đều chật cứng phạm nhân.

Ngày 29-5-1900, thanh tra Stanger và Founé chỉ huy 75 tay súng, trang bị đầy đủ đạn dược và lương thực tiến vào khu vực miền núi La Hiên. Đi đến đâu chúng đều bắn giết và khủng bố dân lành một cách tàn bạo. Các làng Đồng, làng Bok Meo, làng Cham Diên bị thiêu trụi. Ở đồng bằng, “giặc lại khám chùa chiền, chúng tìm gặp nhiều kho vũ khí chôn giấu nên bắt giam các sư sãi và những tín đồ thường lui tới. Một hiện tượng hy hữu trong lịch sử lao tù: đệ tử Thích Ca nằm chật các nhà lao”⁽³⁸⁾. Trước hoàn cảnh đó, ngày 31-5-1900, Võ Trứ quyết định ra nộp mình để cứu nhân dân thoát khỏi sự khủng bố của kẻ thù.

Khi bắt được Võ Trứ, thực dân Pháp dùng mọi cực hình tra tấn nhưng không thể uy hiếp và tìm ra Bộ chỉ huy tổ chức cuộc khởi nghĩa. Võ Trứ đứng ra nhận lãnh trách nhiệm toàn bộ về việc tổ chức khởi nghĩa, lời kéo lực lượng dân chúng đi theo đều do mình làm. Bọn Pháp còn dùng tình cảm gia đình để khuất phục bằng cách đưa 4 cô gái và cậu con trai nhỏ tuổi đến trước mặt Võ Trứ khuyên ông đầu hàng, hợp tác với Pháp sẽ được sung sướng và sum họp gia đình. Võ Trứ nhìn các con và nói: “Cha chết vì nước, vì hạnh phúc của các con, thù này các con nhớ lấy, vĩnh biệt các con”⁽³⁹⁾. Và ông quay sang nói với viên công sứ Phú Yên: “Các ông không thể dùng tình cảm để khuất phục ta được đâu. Ta muốn

đánh người Pháp để giành độc lập cho đất nước và thay đổi triều đại đương kim đã phản bội lại dân chúng để lập lên triều vua khác, mà người cai trị là một thánh quân. Nhưng tiếc thay công việc không thành, ta chỉ biết lấy cái chết để đền nợ nước, các ông không phải nói nhiều lời”⁽⁴⁰⁾. Cuối cùng giặc Pháp đem Võ Trứ và hai phụ tá của ông ra xử chém vào ngày 6-6-1900. Đầu của ông bị chôn cắm nhiều ngày trên cầu Tam Giang- cửa ngõ vào tỉnh lỵ Sông Cầu để răn đe dân chúng. Sau đó không lâu, hai tướng của Võ Trứ là Nguyễn Khỏe và Huỳnh Cự cũng bị bắt và xử tử ngày 30-6-1900 tại Sông Cầu; 97 người bị kết án từ 2 năm

đến 13 năm tù lao động khổ sai. Các làng có liên quan đến cuộc khởi nghĩa còn phải nộp thuế chiến tranh với 20.000 quan tiền. Số tiền này theo lời công sứ Laborde là dùng vào việc thiết lập đường dây điện thoại đi Củng Sơn và xây dựng chợ Sông Cầu⁽⁴¹⁾.

Cuộc khởi nghĩa Võ Trứ cuối cùng thất bại, nhưng biểu hiện tinh thần yêu nước, tinh thần đấu tranh bất khuất của nhân dân Phú Yên không khuất phục trước kẻ thù. Tấm gương chiến đấu hy sinh của Võ Trứ và nghĩa quân luôn được nhân dân Phú Yên qua các thế hệ cảm phục, ghi nhớ và phát huy trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

CHÚ THÍCH VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

- (1) Vũ Huy Phúc (cb), *Lịch sử Việt Nam 1858-1896*, Nxb. Khoa học xã hội, 2003, tr.755.
- (2) Quốc sử quán triều Nguyễn (1978), *Đại Nam thực lục chính biên*, Tập 38, Nxb. Khoa học xã hội, tr.6.
- (3) *Concession de Montpezat 4216 ha à Phu Yen*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, KH. RSA/HC. 2138.
- (4) *Rapport politique-Song cau, le 29 Juillet 1900. L Administrateur Résident de France au Phu Yen à Monsieur le Résident supérieur en Annam à Hué* (Báo cáo chính trị-Sông Cầu, Công sứ Pháp ở Phú Yên gửi Khâm sứ Trung kỳ ở Huế, ngày 29-7-1900).
- (5) (11) Hành Sơn, *Cụ Trần Cao Vân*, Nxb. Minh Tân Paris, 1952, tr.38.
- (6) Mậu Tuất, Kỷ Hợi tương ứng với năm dương lịch là 1898, 1899.
- (7) (8) (22) (27) (28) (30) (39) (40) (43) *Rapport politique-Song Cau, le 29 Juillet 1900...*, Sdd.
- (9) Trong dân gian lưu truyền lúc bị hành quyết tại Sông Cầu (năm 1900) thì Võ Trứ được *năm mươi tuổi lẻ* (51 tuổi). Đối chiếu với gia phả họ Võ ghi ông sinh năm 1849 thì phù hợp tuổi Võ Trứ năm mất.
- (10) *Mật trình của Bộ chánh và án sát tỉnh Phú Yên ngày 25-2-1899*, Dẫn theo TS.Lý Kim Hoa, *Châu bản triều Nguyễn- tư liệu Phật giáo qua các triều đại nhà Nguyễn 143 năm từ Gia Long đến Bảo Đại 1945*, Nxb. Văn hóa Thông tin, 2003, tr.809.
- (12) Đặng Quý Định, *Nhân vật Bình Định*, Tác giả tự xuất bản, Sài Gòn, 1971, tr.137.
- (13) (38) *Mật trình của Bộ chánh và án sát tỉnh Phú Yên ngày 22-2-1899*, Sdd, tr.805.
- (14) (39) (40) *Rapport politique-Song Cau, le 5-4-1900...*, Sdd
- (15) *Mật trình của Bộ chánh và án sát tỉnh Phú Yên ngày 20 -2-1899*, Sdd, tr.796.

- (16) Chánh tổng Tiền là một tên mật vụ của Pháp đã len lỏi vào hàng ngũ nghĩa quân. Sau khi biết được nội tình, mật sự của Võ Trứ, liền sai chàng rẽ đi báo tin bọn Pháp, còn y thì trốn ở nhà để nghĩa quân khỏi nghi ngờ. Chẳng may có người nhìn thấy chàng rẽ ban đêm vào đồn Củng Sơn. Do đó mà nghĩa quân tìm ra được manh mối việc phản bội và Võ Trứ ra lệnh trừng phạt.
- (17) Ngày nay dân trong vùng vẫn gọi nơi này là *hang Võ Trứ*.
- (18) (20) Tư liệu của La Chí Noa cung cấp.
- (19) (21) (29) (41) A.Laborde, *La province de Phu -Yen (Tỉnh Phú Yên)*, BAVH, 1929, Bản dịch Nxb. Thuận Hóa, 2003, tr.395, 396, 397.
- (23) (24) (31) (36) (37) *Rapport politique-Song Cau, le 10-6-1900 ...* Sdd.
- (25) Trong báo cáo ngày 29-7-1900, Công sứ Pháp tỉnh Phú Yên viết về Nguyễn Khỏe: “*Nguyễn Khỏe tức Đội Khỏe, khoảng 52 tuổi, là phần tử cực kỳ nguy hiểm, đã góp sức mình rất tích cực vào phong trào phản loạn. Giống như các đồng đảng khác-Khỏe vốn là một tín đồ Phật giáo, đã từng là thuộc hạ và là trợ thủ đắc lực của Bá Sự. Khi bị bắt, hắn giám nói thẳng: nếu được thoát ra, tôi lại tiếp tục hoạt động như trước. Dẫu có rơi đầu, ầu cũng chóng về cội Niết bàn với Phật tử, tôi không nuối tiếc*”.
- (26) Huỳnh Cự còn gọi là Cai Năm, vốn là tín đồ Thiên Chúa giáo thuộc xứ đạo Măng Lăng của cha xứ Lacassagne. Sau khi gia nhập nghĩa quân, Huỳnh Cự còn lôi kéo nhiều giáo dân tham gia khởi nghĩa.
- (32) Một số tài liệu trước đây nhầm lẫn sự kiện nghĩa quân Võ Trứ tấn công ly sở Sông Cầu là vào mùa hè năm Mậu Tuất (1898). Báo cáo của công sứ Blainville- người đích thân chỉ huy quân Pháp chạm trán với Võ Trứ trong trận đánh tại dốc Găng và nhiều tài liệu khác như *La province de Phu -Yen* (Tỉnh Phú Yên), BAVH, 1929 của A.Laborde; Theo “*Quarante ans de Phu Yen*”, Mesmorial de Qui Nhon, d’Avril 1927; *Essai d’histoire des populations montagnardes du Sud-Indochinois jusqu’a 1945* của Bernard Bourotte đều khẳng định thời điểm Võ Trứ chỉ huy nghĩa quân đánh vào ly sở Sông Cầu là đêm 15-5-1900.
- (33) Nhiều tài liệu nhầm lẫn là dốc Quýt.
- (34) Ngay sáng hôm sau, khi lính Pháp tuần tra phát hiện thêm một nghĩa binh đã tử thương cùng với túi tài liệu nằm trong bụi rậm gần nơi xảy ra chiến sự.
- (35) *Mật trình của Bộ chánh và án sát tỉnh Phú Yên ngày 20 -2-1899*, Sdd, tr.797-798.

Abstract:

The rise-up of Sir Vo Tru in 1900 in Phu Yen

The rise-up of sir Vo Tru which occurred in 1900 in Phu Yen marked a transition towards the religious factors for the patriotic movement in Vietnam. Simultaneously, this was also considered the link marking the transition from the armed struggling at the end of the 19th century to the fights taking the forms of renovation and modernism following the bourgeois ideology at the beginning of the 20th century in Phu Yen in particular and throughout the entire country in general. The article provides a new material resource on the rise-up of Sir Vo Tru, partially contributing in publishing a disclaimer for some shortcomings mentioned in the previous documents regarding the time, location, participants... in this rise-up.

Key words: rise-up, Sir Vo Tru 1900